BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 248/2016/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016*

THÔNG TƯ
Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa (bao gồm cả cảng, bến thủy nội địa chuyên dùng).

2. Phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa bao gồm: Phí trọng tải; lệ phí ra, vào cảng, bến; phí trình báo đường thủy nội địa; phí bảo đảm hàng hải thu đối với tàu biển. Phí, lệ phí thu đối với phương tiện thủy, thủy phi cơ, tàu biển thuộc đối tượng chịu phí quy định tại Điều 2 Thông tư này.

3. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định về phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa khác với quy định tại Thông tư này thì thực hiện theo quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng chịu phí, lệ phí là các phương tiện thủy nội địa, thủy phi cơ, phương tiện thủy nước ngoài, tàu biển (sau đây gọi là phương tiện) ra, vào hoạt động tại các cảng, bến thủy nội địa đã được cơ quan nhà nước công bố cấp phép hoạt động, trừ trường hợp quy định tại Điều 3 của Thông tư này.

2. Tổ chức thu phí, lệ phí là các cảng vụ đường thủy nội địa, các cảng vụ hàng hải, bao gồm cả trường hợp cơ quan có thẩm quyền giao hoặc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý cảng, bến thủy nội địa (bao gồm cả cảng, bến thủy do tổ chức, cá nhân đầu tư) theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Các trường hợp miễn phí, lệ phí

Miễn phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa đối với các trường hợp sau:

1. Phương tiện thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh (trừ các phương tiện sử dụng vào hoạt động kinh tế); phương tiện của cơ quan hải quan đang làm nhiệm vụ; phương tiện của cơ quan thanh tra giao thông, cảng vụ đường thủy nội địa.

2. Phương tiện tránh bão, cấp cứu.

3. Phương tiện vận chuyển hàng hóa có trọng tải toàn phần dưới 10 tấn hoặc chở khách dưới 13 ghế.

4. Phương tiện vận chuyển phòng chống lụt bão.

Điều 4. Mức thu

1. Mức thu phí, lệ phí áp dụng tại cảng, bến thủy nội địa như sau:

Số TT	Nội dung khoản thu	Mức thu
1	**Phí trọng tải**	
a)	Lượt vào (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
b)	Lượt ra (kể cả có tải, không tải)	165 đồng/tấn trọng tải toàn phần
2	**Lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa**	
a)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần từ 10 tấn đến 50 tấn	5.000 đồng/chuyến
b)	Phương tiện chở hàng có trọng tải toàn phần trên 50 tấn đến 200 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 13 ghế đến 50 ghế	10.000 đồng/chuyến
c)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 200 tấn đến 500 tấn hoặc chở khách có sức chở từ 51 ghế đến 100 ghế	20.000 đồng/chuyến
d)	Phương tiện chở hàng, đoàn lai có trọng tải toàn phần trên 500 tấn đến 1.000 tấn hoặc chở khách từ 101 ghế trở lên	30.000 đồng/chuyến